

Số: 2372/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch Điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 23/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 647/TTr-STNMT ngày 14/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch Điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La (có Kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình ban hành Kế hoạch tại Quyết định này; chịu trách nhiệm về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*VT*

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Hậu



KẾ HOẠCH

Điều tra cơ bản tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Sơn La)

I. MỤC TIÊU

1. Đối với các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước định kỳ, thường xuyên

Phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Xây dựng và duy trì hệ thống mạng quan trắc tài nguyên nước của địa phương phù hợp với mạng quan trắc tài nguyên nước của Trung ương; hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra;

b) Hoàn thành việc xây dựng hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định;

c) Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước của tỉnh.

2. Đối với các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước không định kỳ

Phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất; tìm kiếm, phát hiện nguồn nước dưới đất trên địa bàn tỉnh;

b) Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt.

3. Đối với các hoạt động điều tra cơ bản có tính chất đặc thù

Đánh giá, cảnh báo, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với tài nguyên nước: Diễn biến bất thường về số lượng, chất lượng các nguồn nước và các tác hại do nước gây ra; khả năng bổ sung nhân tạo nước dưới đất và các hoạt động khác để có giải pháp quản lý các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

4. Đến năm 2050, thông tin, số liệu, kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước được xử lý, lưu trữ trên cơ sở nền tảng công nghệ, kỹ thuật hiện đại, tiên tiến theo chuẩn mực chung của Quốc tế đáp ứng yêu cầu quản lý hiệu quả, khai thác, sử dụng, bảo vệ bền vững, bảo đảm an ninh quốc gia về tài nguyên nước.

1. Đối với hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước định kỳ, thường xuyên

a) Xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo thứ tự ưu tiên quan trắc các nguồn cấp nước cho sinh hoạt, cho sản xuất công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; giám sát hoạt động xả nước thải vào nguồn từ các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; lồng ghép trong quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 11, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra tại các vùng, khu vực đã hoặc được dự báo có nguy cơ xảy ra, ưu tiên những vùng, khu vực đang chịu sự tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu.

b) Đưa vào vận hành hệ thống giám sát tự động, trực tuyến các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước. Kết nối giữa Trung ương và địa phương, làm căn cứ để đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật và công tác thanh tra, kiểm tra.

c) Hoàn thiện và duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh, kết nối liên thông với các hệ thống thông tin của các Sở, ngành trong tỉnh, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; ứng dụng có hiệu quả dữ liệu và các chức năng hệ thống trong xử lý các nghiệp vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

2. Đối với hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước không định kỳ

a) Điều tra, đánh giá tổng hợp nước dưới đất và tìm kiếm, phát hiện nguồn nước dưới đất

- Thực hiện việc điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:100.000; tỷ lệ 1:50.000 đối với nguồn nước nội tỉnh ở những vùng, khu vực nước dưới đất có tiềm năng lớn, là đối tượng khai thác chủ yếu để cấp nước cho sinh hoạt, các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, các đô thị, khu dân cư tập trung, khu vực khan hiếm nước, thiếu nước sinh hoạt.

- Thực hiện việc điều tra, tìm kiếm phát hiện nguồn nước dưới đất gắn với phục vụ cấp nước sinh hoạt cho các thôn, xã đặc biệt khó khăn, khan hiếm nước, thiếu nước sinh hoạt; tìm kiếm, đánh giá, xác định được các vị trí có triển vọng khai thác nước dưới đất để phục vụ cấp nước sinh hoạt cho nhân dân vùng khan hiếm nước, thiếu nước sinh hoạt thuộc các xã đặc biệt khó khăn.

b) Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt

- Thực hiện việc đánh giá, xác định, cập nhật định kỳ các đặc trưng cơ bản, lập bản đồ đặc trưng tài nguyên nước mặt; đánh giá diễn biến tài nguyên nước mặt theo từng giai đoạn trên các nguồn nước nội tỉnh.

- Thực hiện việc điều tra, thống kê tổng lượng nước trữ được vào cuối mùa lũ đầu mùa cạn hằng năm của các hồ chứa quan trọng có khả năng điều tiết trên các sông

nội tỉnh, ưu tiên các hồ có dung tích từ 3,0 triệu m³ trở lên; tổng hợp đánh giá diễn biến lượng nước trữ được của các hồ trên phạm vi toàn tỉnh, từng lưu vực sông theo từng giai đoạn 5 năm, 10 năm.

- Thực hiện việc điều tra, đánh giá, xác định và công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông nội tỉnh. Trong đó, ưu tiên thực hiện trên các sông, suối, đoạn sông suối có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Đối với hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước có tính chất đặc thù

a) Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, khí thải, chất thải khác vào nguồn nước.

b) Đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước mặt, nước dưới đất, phân loại nguồn nước theo mức độ ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt.

c) Đánh giá, cảnh báo, dự báo tác động của biến đổi khí hậu với tài nguyên nước, diễn biến bất thường về số lượng, chất lượng các nguồn nước và các tác hại do nước gây ra.

d) Xác định khả năng bổ sung nhân tạo nước dưới đất.

e) Kịp thời cung cấp thông tin, số liệu hiện trạng về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, khí thải, chất thải khác vào nguồn nước, tình hình ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; đánh giá, cảnh báo, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với tài nguyên nước, diễn biến bất thường về số lượng, chất lượng các nguồn nước và các tác hại do nước gây ra, khả năng bổ sung nhân tạo nước dưới đất và các hoạt động khác để có giải pháp quản lý về tài nguyên nước trong thực tiễn.

f) Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn phục vụ công tác quản lý.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện, đổi mới cơ chế quản lý, cấp phát, quyết toán kinh phí đối với các hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước phù hợp với Luật Ngân sách theo hướng tăng cường xã hội hoá, nhà nước mua thông tin số liệu điều tra cơ bản từ các tổ chức, cá nhân và đảm bảo cơ chế đấu thầu, đặt hàng.

2. Xây dựng cơ chế quản lý, cấp vốn cho hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước bằng nguồn thu từ các hoạt động tài nguyên nước và phí sử dụng thông tin, số liệu tài nguyên nước.

3. Lựa chọn các phương pháp, thiết bị, mô hình, công cụ tiên tiến, hiện đại có độ chính xác cao, sử dụng có hiệu quả trong công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước và phân tích, đánh giá, dự báo diễn biến tài nguyên nước.

4. Có cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư theo hình thức công - tư cho một số đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

Tiến độ thực hiện các đề án, nhiệm vụ, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước được thể hiện trong phụ lục chi tiết (*kèm theo Kế hoạch này*).

V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Nguồn kinh phí để thực hiện các đề án/nhiệm vụ/dự án trong Kế hoạch gồm:

1. Ngân sách nhà nước: Nguồn vốn đầu tư công, nguồn vốn chi sự nghiệp kinh tế, nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường.

2. Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài tham gia góp vốn điều tra cơ bản tài nguyên nước theo hình thức công tư hoặc xã hội hóa.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các địa phương đơn đốc, tổ chức thực hiện Kế hoạch này;

b) Tổ chức thực hiện các đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

c) Định kỳ hằng năm, đánh giá tiến độ, chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện các mục tiêu, nội dung công việc của Kế hoạch này. Tổng hợp kết quả thực hiện để báo cáo với UBND tỉnh, làm căn cứ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Có trách nhiệm cân đối kế hoạch vốn từ nguồn đầu tư phát triển để thực hiện Kế hoạch này theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Lồng ghép nội dung quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên nước của địa phương vào nội dung Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách Trung ương, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn sự nghiệp môi trường hằng năm, nguồn vốn chi sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh và kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở dự toán kinh phí của Sở Tài nguyên và Môi trường lập gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

4. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Xây dựng, Giao thông vận tải và các Sở ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai điều tra, thống kê, tổng hợp tình hình sử dụng nước hàng năm theo quy định.

5. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan trong việc triển khai các đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước trong Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc yêu cầu các Sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo về UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để xem xét, giải quyết theo quy định./.



PHỤ LỤC

Danh mục Dự án, dự án, nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Đề án/Dự án/Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Lập, ban hành Danh mục nguồn nước nội tỉnh theo Luật Tài nguyên nước và Quyết định số 1757/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	2022-2023	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố
2	Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên nước của tỉnh để lồng ghép vào nội dung quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2045	2022-2023	Sở Tài nguyên và Môi trường	
3	Kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh	2023-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	
4	Điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1: 50.000 đến 1:25.000 đối với các nguồn nước nội tỉnh	2022-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	
5	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt, xác định các đặc trưng cơ bản, lập bản đồ đặc trưng tài nguyên nước mặt, đánh giá diễn biến tài nguyên nước mặt đối với các nguồn nước nội tỉnh	2023-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	
6	Điều tra, tìm kiếm phát hiện nguồn nước dưới đất gắn với phục vụ cấp nước sinh hoạt cho các thôn, xã đặc biệt khó khăn và khó khăn, khan hiếm nước, thiếu nước sinh hoạt	2026-2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	



TT	Đề án/Dự án/Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
7	Điều tra, đánh giá, xác định và công bố dòng chảy tối thiểu; khả năng tiếp nhận nước thải trên các sông, suối nội tỉnh còn lại	2026-2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố
8	Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra tại các vùng, khu vực đã hoặc được dự báo có nguy cơ xảy ra, ưu tiên những vùng, khu vực đang chịu sự tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu	2026-2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố